

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 5 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 53, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa Anh	01	63	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	02	50	7,0	Bảy	
3	Bùi Thị Thanh Bình	03	32	7,0	Bảy	
4	Hoàng Văn Biên	04	20	7,5	Bảy rưỡi	
5	Lê Thị Cát	05	38	7,5	Bảy rưỡi	
6	Đoàn Thị Chiên	06	11	8,0	Tám	
7	Phạm Thị Bích Diệp	07	69	7,0	Bảy	
8	Lê Thị Dung	08	56	8,0	Tám	
9	Nguyễn Văn Dũng	09	05	7,5	Bảy rưỡi	
10	Đoàn Xuân Dương	10	44	8,0	Tám	
11	Đặng Khánh Duy	11	57	8,0	Tám	
12	Hà Thị Bích Đào	12	13	8,0	Tám	
13	Phùng Thị Hà	13	16	7,5	Bảy rưỡi	
14	Phạm Thị Hà	14	09	7,5	Bảy rưỡi	
15	Vũ Ngọc Hà	15	21	7,5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Hạnh	16	15	7,5	Bảy rưỡi	
17	Tổng Thị Hằng	17	65	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thu Hiền	18	40	8,0	Tám	
19	Dương Văn Hiệp	19	51	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
20	Trương Thúy Hồng	20	54	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trần Văn Hồng	21	49	7,0	Bảy	
22	Lê Thị Huế	22	70	8,0	Tám	
23	Cù Xuân Hùng	23	58	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Thị Thanh Hương	24	52	7,5	Bảy rưỡi	
25	Hoàng Quốc Huy	25	73	7,0	Bảy	
26	Đinh Quang Huy	26	77	7,0	Bảy	
27	Trần Thị Huyền	27	10	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Thu Huyền	28	14	8,0	Tám	
29	Phạm Thị Thanh Huyền	29	23	7,5	Bảy rưỡi	
30	Vũ Hồng Kiên	30	43	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Ngọc Linh	31	53	7,0	Bảy	
32	Nguyễn Thái Linh	32	19	7,0	Bảy	
33	Nguyễn Thị Bích Loan	33	29	7,5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Mai	34	39	7,5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Văn Nam	35	04	8,0	Tám	
36	Đinh Thị Thu Nga	36	07	8,0	Tám	
37	Trần Văn Nguyên	37	31	7,0	Bảy	
38	Phạm Thị Nhung	38	34	8,0	Tám	
39	Trần Thị Kim Oanh	39	41	7,5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Kim Oanh	40	12	8,0	Tám	
41	Trịnh Thị Lan Phương	41	08	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Quốc Phương	42	75	7,0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	43	30	7,0	Bảy	
44	Phạm Văn Quý	44	46	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
45	Bàn Thị Lệ Quyên	45	45	8,0	Tám	
46	Trương Công Quyết	46	48	7,0	Bảy	
47	Bùi Xuân Sơn	47	17	7,5	Bảy rưỡi	
48	Dương Văn Song	48	37	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Tá Tâm	49	25	7,0	Bảy	
50	Trương Văn Thái	50	60	7,0	Bảy	
51	Nông Văn Thắng	51	67	7,5	Bảy rưỡi	
52	Trần Mạnh Thắng	52	76	7,0	Bảy	
53	Nguyễn Văn Thắng	53	62	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Thị Thành	54	22	7,0	Bảy	
55	Nguyễn Xuân Thi	55	47	7,0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thịnh	56	26	7,0	Bảy	
57	Nguyễn Kiến Thọ	57	66	8,0	Tám	
58	Lê Hoài Thu	58	71	7,5	Bảy rưỡi	
59	Triệu Thị Thương	59	27	7,0	Bảy	
60	Đoàn Thị Thu Thủy	60	59	7,5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Phương Thủy	61	24	7,5	Bảy rưỡi	
62	Ngô Thu Thủy	62	68	8,0	Tám	
63	Nguyễn Thị Trang	63	28	8,0	Tám	
64	Phạm Thị Thủy Triều	64	64	8,0	Tám	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	72	7,0	Bảy	
66	Lê Văn Trọng	66	18	7,5	Bảy rưỡi	
67	Lý Hoàng Tú	67	42	7,5	Bảy rưỡi	
68	Lê Minh Tú	68	55	7,0	Bảy	
69	Nông Thanh Tùng	69	61	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
70	Nguyễn Văn Tuyền	70	36	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	71	06	7,5	Bảy rưỡi	
72	Lê Thị Hải Yến	72	74	7,5	Bảy rưỡi	
73	Đoàn Thị Hải Yến	73	35	8,0	Tám	
74	Dương Thị Đào	74	33	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Thị Hương	75	01	8,0	Tám	P III.2-K52KTT
76	Bùi Thị Lan Anh	76	02	7,5	Bảy rưỡi	P III.2-K51KTT
77	Phạm Thị Loan	77	03	7,5	Bảy rưỡi	P III.2-K51KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên